TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 15-10-2019
"*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Hòa

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 03/5/2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS, ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: tòa nhà CC5, khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng P - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Theo văn bản ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015).

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thu N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Theo văn bản ủy quyền số

268/NHCS-UQ ngày 04/6/2019); địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị L; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị T; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị L1; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nơi làm việc: Sở K và Đ tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị L2; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi làm việc: Trung tâm T và T KH&CN Quảng Bình. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị L3; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị L4; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Từ ngày 30/11/2007 đến 28/11/2012 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với ông Trần Duy T là đại diện hộ gia đình đã thỏa thuận các khoản vay bao gồm: vay cho sinh viên Trần Thị L1, Trần Thị L2, Trần Thị L4, Trần Thị L3 và Trần Thị L chi phí học tập số tiền 99.200.000 đồng, chương trình cho vay Học sinh sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ với số tiền là 15.000.000 đồng. Sau khi ông Tuân chết thì chị Trần Thị L là người đại diện đứng ra nhận nợ, chịu trách nhiệm với số tiền vay của Ngân hàng, các khoản vay được thể hiện tại:

1. Ngày 30/11/2007, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000019923 vay cho sinh viên Trần Thị L1 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học Quảng Bình; số tiền cho vay là 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/7/2010; đã quá hạn từ ngày 30/7/2010. Từ sau khi vay đến nay, khoản vay này đã trả được nợ gốc là 7.900.000 đồng; trả lãi là 3.600.000 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 5.054.252 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000 đồng; nợ lãi là 4.954.252 đồng.

2. Ngày 18/5/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000003090 vay cho sinh viên Trần Thị L4 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học Quảng Bình, với số tiền cho vay là 25.600.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/4/2015; đến ngày 10/4/2015, gia đình không trả nợ và có hồ sơ xin gia hạn nên Ngân hàng đã gia hạn nợ 18 tháng cho hộ gia đình; khoản vay chuyển qua quá hạn từ ngày 16/8/2016, với lãi suất quá hạn là 0,65%. Từ sau khi vay đến nay, khoản vay vẫn chưa trả nợ gốc, chỉ mới trả lãi là 499.076 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 39.568.262 đồng, trong đó: nợ gốc là 25.600.000 đồng, nợ lãi là 13.968.262 đồng.

3. Ngày 18/5/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000003091 vay cho sinh viên Trần Thị L2 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học Quảng Bình với số tiền cho vay là 24.600.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/4/2015. Đến ngày 10/4/2015, gia đình không trả nợ và có hồ sơ xin gia hạn nên Ngân hàng đã gia hạn nợ 18 tháng cho hộ gia đình. Khoản vay chuyển qua quá hạn từ ngày 16/8/2016 với lãi suất quá hạn là 0,65%. Từ ngày vay đến nay, khoản vày này chưa trả nợ gốc và mới trả lãi là 100.000 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 38.402.217 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.600.000 đồng, nợ lãi là 13.802.217 đồng.

4. Ngày 27/11/2009, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000003089 vay cho sinh viên Trần Thị L3 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Cao Đẳng Công nghệ và Kinh doanh Việt tiến với số tiền cho vay là 26.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27/9/2015. Đến ngày 27/9/2015, gia đình không trả nợ và có hồ sơ xin gia hạn nên Ngân hàng đã gia hạn nợ 14 tháng cho hộ gia đình. Khoản vay chuyển qua quá hạn từ ngày 16/12/2016 với lãi suất quá hạn là 0,65%. Từ ngày vay đến nay, khoản vày này đã trả được nợ gốc là 4.400.000 đồng; trả lãi là 1.083.518 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 36.370.666 đồng, trong đó: nợ gốc là 21.600.000 đồng, nợ lãi là 14.770.666 đồng.

5. Ngày 03/11/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000019922 vay cho sinh viên Trần Thị L trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Cao Đẳng Công nghệ và Kinh doanh Việt Tiến với số tiền cho vay là 15.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/7/2017. Đến ngày 10/7/2017, gia đình không trả nợ và có hồ sơ xin gia hạn nên Ngân hàng đã gia hạn nợ 02 tháng cho hộ gia đình. Khoản vay đã chuyển qua quá hạn từ ngày 16/9/2017 với lãi suất

quá hạn là 0,845%. Từ ngày vay đến nay, khoản vay này chưa trả được nợ gốc và chỉ mới trả lãi 100.000 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 24.439.761 đồng; trong đó nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi là 9.439.761 đồng.

6. Ngày 23/12/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000019921, chương trình cho vay hộ nghèo, vay chăn nuôi lợn sinh sản với số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 23/12/2014, đã quá hạn từ ngày 10/01/2015. Từ ngày vay đến nay, khoản vay đã trả nợ gốc là 13.300.000 đồng, trả lãi là 3.125.755 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 6.539.610 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.700.000 đồng, nợ lãi là 4.839.610 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019) là 150.374.768 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 88.600.000 đồng; tiền nợ lãi là 61.774.768 đồng.

Để thu hồi vốn cho Nhà nước, đại diện cho Ngân hàng C vẫn giữ nguyên yêu cầu và phạm vi khởi kiện của mình. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo các khế ước vay tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019) là 150.374.768 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 88.600.000 đồng; tiền nợ lãi là 61.774.768 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 15/10/2019 theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Trong đơn trình bày ngày 29/5/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên họp và hòa giải ngày 12/8/2019, bà Hoàng Thị T trình bày: Bà T thừa nhận các khoản vay cũng như số tiền nợ tại Ngân hàng C, tuy nhiên do gia đình đang khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần nên đề nghị được trả dần hàng tháng với số tiền mỗi tháng là 600.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho chị Trần Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của chị L, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ cho phía gia đình bị đơn, gia đình chị L, trực tiếp là bà Hoàng Thị T đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt và bà T đã báo cho chị L, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết việc Tòa án thông báo, triệu tập đến Tòa án để giải quyết việc Ngân hàng C khởi kiện nhưng những người này đã cố tình không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Qua

thông tin từ gia đình thì chị L, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã biết việc Ngân hàng khởi kiện và Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng hiện đi công tác xa nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án được. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt điều này thể hiện việc không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Trần Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng C tổng số tiền là 150.374.768 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 88.600.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019) là 61.774.768 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 15/10/2019 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với ông Trần Duy T sau này là chị Trần Thị L là đại diện gia đình đã ký kết các Hợp đồng tín dụng theo các khế ước cho vay với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng, sinh viên trang trải học tập. Do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định chị Trần Thị L, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Từ ngày 30/11/2007 đến 28/11/2012 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với ông Trần Duy T là đại diện gia đình đã thỏa thuận các khoản vay bao gồm vay cho sinh viên Trần Thị L1, Trần Thị L2, Trần Thị L4, Trần Thị L3 và Trần Thị L chi phí học tập số tiền là 99.200.000 đồng, chương trình cho vay học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ với số tiền là 15.000.000 đồng. Sau khi ông Tuân chết thì chị Trần Thị L là người đại diện đứng ra nhận nợ, chịu trách nhiệm với số tiền vay của Ngân hàng, các khoản vay được thể hiện tại:

- Ngày 30/11/2007, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000019923 vay cho sinh viên Trần Thị L1 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học Quảng Bình; số tiền cho vay là 8.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,5%/tháng; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/7/2010.

- Ngày 18/5/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000003090 vay cho sinh viên Trần Thị L4 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học Quảng Bình, với số tiền cho vay là 25.600.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/4/2015.

- Ngày 18/5/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000003091 vay cho sinh viên Trần Thị L2 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Đại học Quảng Bình với số tiền cho vay là 24.600.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/4/2015.

- Ngày 27/11/2009, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000003089 vay cho sinh viên Trần Thị L3 trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh doanh Việt Tiến với số tiền cho vay là 26.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,5%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27/9/2015.

- Ngày 03/11/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000019922 vay cho sinh viên Trần Thị L trang trải chi phí cho việc học tập tại trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh doanh Việt Tiến với số tiền cho vay là 15.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 10/7/2017.

- Ngày 23/12/2011, Ngân hàng và đại diện gia đình ký kết hợp đồng tín dụng theo khế ước vay tiền số 6000003000019921, chương trình cho vay hộ nghèo, vay chăn nuôi lợn sinh sản với số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 23/12/2014.

Trên cơ sở các Hợp đồng ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông Tuân (sau này là chị L) vay như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay ông Trần Duy T (sau này là chị Trần Thị L) chỉ mới thực hiện được một phần nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi, đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ của kỳ trả nợ gốc và nợ lãi, vi phạm thời hạn thanh toán. Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6000003000019923, đã trả được nợ gốc là 7.900.000 đồng, trả lãi là 3.600.000 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 5.054.252 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000 đồng; nợ lãi là 4.954.252 đồng; Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6000003000003090, đã trả được tiền lãi là 499.076 đồng và chưa trả được nợ gốc. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 39.568.262 đồng, trong đó: nợ gốc là 25.600.000 đồng, nợ lãi là 13.968.262 đồng; Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6000003000003091, đã trả được tiền lãi là 100.000 đồng và chưa trả được nợ gốc. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 38.402.217 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.600.000 đồng, nợ lãi là 13.802.217 đồng; Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6000003000003089, đã trả được nợ gốc là 4.400.000 đồng; trả lãi là 1.083.518 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 36.370.666 đồng, trong đó: nợ gốc là 21.600.000 đồng, nợ lãi là 14.770.666 đồng; Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6000003000019922, đã trả được tiền lãi là 100.000 đồng và chưa trả được nợ gốc. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 24.439.761 đồng; trong đó nợ gốc là 15.000.000 đồng, nợ lãi là 9.439.761 đồng; Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 6000003000019921, đã trả được nợ gốc là 13.300.000 đồng, trả lãi là 3.125.755 đồng. Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 15/10/2019 là 6.539.610 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.700.000 đồng, nợ lãi là 4.839.610 đồng.

Một số khoản vay đã được gia hạn trả nợ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đã chuyển sang nợ quá hạn nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án để thu hồi khoản tiền nợ vay theo quy định. Do các khoản vay đã quá hạn nên Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi trong hạn và quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thoả thuận trong hợp đồng đã ký kết. Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp đã tính đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong hợp đồng tín dụng phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Trần Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần để các bên hòa giải, thống nhất, thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, chị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã biết rõ việc Ngân hàng khởi kiện và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc không thực hiện, không chấp hành mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với khoản nợ vay Ngân hàng và pháp luật.

Xét ý kiến, yêu cầu của bà Hoàng Thị T là mẹ của chị Trần Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các khoản vay mà hai bên ký kết mục đích là để cho sinh viên trang trải, phục vụ việc học tập và chăn nuôi của gia đình theo chính sách ưu đãi của Nhà nước nhằm giúp cho gia đình khắc phục khó khăn, phát triển kinh tế. Sau khi sinh viên ra trường có công việc phải có trách nhiệm cùng gia đình thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, cũng như các khoản vay trên đã quá hạn nên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Nhà nước. Số tiền vay nợ theo các khoản vay của gia đình đã chuyển sang quá hạn và yêu cầu của phía Ngân hàng là nhanh chóng thu hồi vốn cho Nhà nước vì gia đình thiếu thiện chí, cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu cầu bà T đề nghị được trả dần hàng tháng với số tiền là 600.000 đồng không được chấp nhận.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C: Buộc chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 150.374.768 đồng (một trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 88.600.000 đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm nghìn

đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019) là 61.774.768 đồng (sáu mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm phối hợp cùng gia đình thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng C. Tổ chức, cá nhân sử dụng lao động là học sinh, sinh viên đã được vay vốn nhà nước có trách nhiệm đôn đốc học sinh, sinh viên chuyển tiền về gia đình để trả nợ hoặc trực tiếp trả nợ Ngân hàng C.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019), chị Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này".

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc "tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn chị Trần Thị L.

Buộc chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 150.374.768 đồng (một trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 88.600.000 đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019) là 61.774.768 đồng (sáu mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi tám đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/10/2019), chị Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh

toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này".

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm phối hợp cùng gia đình thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng C.

Tổ chức, cá nhân sử dụng lao động là học sinh, sinh viên đã được vay vốn nhà nước có trách nhiệm đôn đốc học sinh, sinh viên chuyển tiền về gia đình để trả nợ hoặc trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng C.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị L phải chịu 7.518.000 đồng (bảy triệu năm trăm mười tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực